

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/HNGĐ - ST

Ngày 28 tháng 8 năm 2023

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Duy Lục

Ông Phùng Văn Thông

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà: Ông Lê Nhật Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2023/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về việc Tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Trung T, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2023 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Trung T trình bày: Anh kết hôn với chị Phạm Thị Thu H từ ngày 11/6/1992, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng ban đầu cũng hòa thuận hạnh phúc, đến khoảng năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong việc làm ăn kinh tế, chị H dung túng con trai lấy tiền của anh để trả nợ cho con trai, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Khoảng

tháng 1 năm 2010 chị H đã thuê nhà ra ở riêng, vợ chồng sống ly thân nhau khoảng 01 năm, sau đó vợ chồng đều suy nghĩ vì các con nên quay về đoàn tụ cùng nhau. Sau khi về ở cùng nhau mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng đến năm 2014 anh phát hiện chị H giấu anh đi vay lãi ngày để cho con trai là Lê Xuân Á đi đánh bạc dẫn đến nợ nần chồng chất, từ năm 2015 đến năm 2017 chị H đã đi Hà Nội làm ăn trong thời gian đó vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến nhau nữa. Tháng 5 năm 2023 chị H có làm đơn xin ly hôn anh nhưng sau đó chị H lại rút đơn ly hôn. Ngày 25/6/2023 vợ chồng sống ly thân, nay anh xác định tình cảm vợ chồng không thể cải thiện, cuộc hôn nhân của anh và chị H không còn hạnh phúc nên anh xin được ly hôn với chị H.

Tại phiên tòa bị đơn chị Phạm Thị Thu H vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 07/6/2023 và Buổi hòa giải ngày 26/6/2023 chị Phạm Thị Thu H trình bày: Chị thừa nhận về thời gian kết hôn, chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn như anh T đã trình bày ở trên. Vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2010, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong việc làm ăn kinh tế, chị có vay tiền cho con trai để trang trải nợ nần, từ đó vợ chồng hay cãi chửi nhau mâu thuẫn căng thẳng. Năm 2018 chị có đi Hà Nội làm ăn được 6 tháng sau đó chị về ở cùng anh T. Tháng 5/2023 do nóng giận nên chị đã làm đơn ly hôn anh T nhưng sau đó chị đã suy nghĩ lại vì muốn đoàn tụ nên chị đã rút đơn ly hôn anh T. Nay anh T xin ly hôn thì chị không đồng ý ly hôn, chị xin được đoàn tụ để cùng nhau để cùng nhau nuôi dạy các con. Về biện pháp đoàn tụ chị sẽ cố gắng động viên anh T để anh suy nghĩ lại.

Về con chung: Anh Lê Trung T và chị Phạm Thị Thu H đều thừa nhận vợ chồng có hai con chung là Lê Xuân Á, sinh ngày 10/7/1993 và Lê Ánh S, sinh ngày 28/12/1996. Hiện nay các con đều đã trưởng thành có gia đình riêng nên anh T và chị H không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác: Anh Lê Trung T và chị Phạm Thị Thu H đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức: Chị Phạm Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 27/7/2023 UBND xã V cho biết: Anh Lê Trung T kết hôn với chị Phạm Thị Thu H từ ngày 11/6/1992, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H có vay tiền để trả nợ cho con trai từ đó vợ chồng hay cãi chửi nhau, anh T có tham gia làm ăn của công ty Thiên Ngọc Minh Uy dẫn đến nợ nần, kinh tế gia đình giảm sút nên vợ chồng anh T, chị H thường xuyên mâu

thuần cãi chửi nhau. Hiện nay anh T và chị H không ở cùng nhau, chị H đang ở cùng con trai là Lê Ánh S. Nay anh T xin ly hôn chị H, quan điểm địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, việc anh chị quay về đoàn tụ cùng nhau là rất khó vì mâu thuẫn của anh chị T - H đã từ lâu và rất căng thẳng.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử: Cho anh Lê Trung T được ly hôn với chị Phạm Thị Thu H.

Về con chung: Anh Lê Trung T chị Phạm Thị Thu H có hai con chung là các cháu: Lê Xuân Ánh, sinh ngày 10/7/1993 và Lê Ánh Sao, sinh ngày 28/12/1996. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành có gia đình riêng. Ly hôn anh T, chị H không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, công nợ và công sức: Anh Lê Trung T và chị Phạm Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Lê Trung T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng dân sự: Anh Lê Trung T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết việc xin ly hôn giữa anh và chị Phạm Thị Thu H theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, chị H có hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Về sự vắng mặt của chị Phạm Thị Thu H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị H vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H là đúng trình tự pháp luật.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Trung T kết hôn với chị Phạm Thị Thu H ngày 11/6/1992, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu là cuộc hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nên đã có 02 con chung, quá trình chung sống vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong việc làm ăn kinh tế và dạy bảo con chung, kinh tế gia đình giảm sút nên vợ chồng anh T, chị H thường xuyên mâu thuẫn cãi chửi nhau. Hiện nay chị H đang ở cùng con trai là Lê Ánh Sao, vợ chồng đang sống ly thân nhau. Tháng 5 năm 2023 chị H có làm đơn xin ly hôn anh T nhưng sau đó chị H đã rút đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn anh chị H. Chị H xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho anh T được ly hôn với chị H là phù hợp. Điều đó có nghĩa yêu cầu xin ly hôn của anh T được chấp nhận, yêu cầu xin đoàn tụ của chị H không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về con chung: Anh Lê Trung T và chị Phạm Thị Thu H có hai con chung là Lê Xuân A, sinh ngày 10/7/1993 và Lê Ánh S, sinh ngày 28/12/1996. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành có gia đình riêng. Ly hôn anh T, chị H không yêu cầu giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Anh Lê Trung T và chị Phạm Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Lê Trung T là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho anh Lê Trung T được ly hôn với chị Phạm Thị Thu H.

Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Anh Lê Trung T và chị Phạm Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Lê Trung T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 000343 ngày 07/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải